

BỘ NỘI VỤ-BỘ QUỐC
PHÒNG-TỔNG CỤC ĐỊA
CHÍNH
Số: 2708/TT-LT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 1997

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thi hành Nghị định số 09/CP ngày

12-2-1996 của Chính phủ về chế độ quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12-11-1996;

Căn cứ Điều 65 của Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 09/CP ngày 12-2-1996 của Chính phủ về chế độ quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh;

Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ và Tổng cục Địa chính hướng dẫn việc thực hiện Nghị định 09/CP như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện Nghị định 09/CP ngày 12-2-1996 của Chính phủ về chế độ quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh.
- Đất quốc phòng, an ninh là đất chuyên dùng, được Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai và khoản 2 Điều 2 của Nghị định 09/CP.
- Đất sử dụng làm các công trình công nghiệp, khoa học, kỹ thuật phục vụ quốc phòng, an ninh như sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang thiết bị và đồ dùng chuyên dụng cho quốc phòng, an ninh hoặc đất thuộc các công trình này có kết hợp một phần phục vụ kinh tế xã hội do các đơn vị, xí nghiệp quốc phòng, an ninh sử dụng là đất quốc phòng, an ninh.

4. Đất sử dụng của các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh chuyên làm kinh tế sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dân dụng phục vụ dân sinh, làm nhà hàng, khách sạn, đất đã chuyển mục đích sang liên doanh với nước ngoài để làm kinh tế và đất làm nhà ở gia đình quân nhân không phải là đất quốc phòng, an ninh.

5. Đơn vị vũ trang nhân dân được Nhà nước giao đất quy định tại Điều 4 của Nghị định 09/CP là đơn vị đứng tên trong quyết định giao đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm:

a. Đối với đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng gồm: Các Tổng cục, Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng, Binh chủng, Bộ tư lệnh Biên phòng, Học viện, Nhà trường trực thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng. Dưới đây gọi chung là đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cũng là đơn vị được đứng tên trong quyết định giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b. Đối với đơn vị thuộc Bộ Nội vụ gồm: Các Tổng cục, Nhà trường, Học viện trực thuộc Bộ Nội vụ, Cục quản lý và cải tạo phạm nhân, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Dưới đây gọi chung là đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ.

Các đơn vị đứng tên trong quyết định giao đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đơn vị trực tiếp sử dụng đất phải thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đất đai.

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. VIỆC QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH

A. QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH CHUNG

1. Bộ Quốc phòng lập quy hoạch, kế hoạch chung về sử dụng đất quốc phòng, trên phạm vi cả nước và trên địa bàn từng Quân khu trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Bộ Nội vụ lập quy hoạch, kế hoạch chung về sử dụng đất an ninh trên phạm vi cả nước và trên địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Nội dung quy hoạch, kế hoạch chung bao gồm: xác định số địa điểm đóng quân hoặc địa điểm xây dựng công trình cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; xác định tổng diện tích đất quốc phòng, an ninh và phân rõ mục đích sử dụng từng loại đất cụ thể theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai và khoản 2 Điều 2 Nghị định 09/CP; xác định số địa điểm sử dụng đất và diện tích chuyển giao cho địa phương.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ làm việc với uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh trên từng địa phương. Tổng cục Địa chính tổ chức thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

B. QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH CHI TIẾT

1. Quyết định đóng quân, địa điểm công trình:

a. Đơn vị sử dụng đất, hoặc địa điểm xây dựng công trình quốc phòng, an ninh phải có quyết định đóng quân hoặc quyết định địa điểm công trình của cấp có thẩm quyền được quy định tại điểm 3 khoản B mục I Thông tư này.

b. Quyết định vị trí đóng quân, địa điểm công trình ghi rõ tên đơn vị đóng quân hoặc tên công trình, địa điểm khu đất, diện tích đất và mục đích sử dụng.

c. Bản vẽ kèm theo quyết định là sơ đồ mặt bằng và ranh giới khu đất có tỷ lệ quy định tại điểm 3, mục II của Thông tư này, có trích lục bản đồ vị trí khu đất tỷ lệ 1/25.000 đến 1/50.000. Sơ đồ mặt bằng và ranh giới khu đất có thể được can vẽ từ bản đồ địa chính hoặc do các đơn vị đo đạc trong quân đội, công an đo vẽ.

2. Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch chung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quyết định đóng quân, địa điểm công trình của cấp có thẩm quyền, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ lập quy hoạch, kế hoạch chi tiết về sử dụng đất thuộc phạm vi mình quản lý, sử dụng.

Nội dung quy hoạch, kế hoạch chi tiết gồm: xác định cụ thể ranh giới, diện tích và phân khu chức năng sử dụng đất của từng đơn vị sử dụng đất; dự kiến biến động và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong từng thời kỳ cho phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Quy hoạch, kế hoạch chi tiết được thể hiện trên bản đồ địa chính khu đất có tỷ lệ quy định tại điểm 3 mục II Thông tư này. Tên bản đồ là "Bản đồ quy hoạch, phân khu chức năng sử dụng

đất".

3. Thẩm quyền xét duyệt quy hoạch, kế hoạch chi tiết sử dụng đất và quyết định đóng quân, địa điểm công trình:

a. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xét duyệt quy hoạch, kế hoạch chi tiết sử dụng đất của các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.

Bộ Tổng Tham mưu thuộc Bộ Quốc phòng quyết định vị trí đóng quân, địa điểm công trình cho các đơn vị từ cấp trung đoàn bộ binh, cấp tiểu đoàn binh khí kỹ thuật và tương đương trở lên. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định vị trí đóng quân, địa điểm công trình cho các đơn vị từ cấp tiểu đoàn bộ binh, cấp đại đội binh khí kỹ thuật và tương đương trở xuống.

b. Bộ trưởng Bộ Nội vụ xét duyệt quy hoạch, kế hoạch chi tiết sử dụng đất và vị trí đóng quân, địa điểm công trình cho các đơn vị trong toàn lực lượng Công an nhân dân.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các đơn vị thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi đã thoả thuận với Bộ Nội vụ.

II. VIỆC ĐO ĐẠC ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Việc đo đạc đất quốc phòng, an ninh phải thực hiện theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật do Tổng cục Địa chính ban hành. Đối với các công trình quốc phòng, an ninh cần bảo đảm yêu cầu bí mật thì chỉ đo đạc đường ranh giới và các điểm mốc cần thiết trong khu đất để có thể ghép nối phù hợp với bản đồ địa chính của địa phương.

Những loại đất sau đây được phép đo đạc toàn bộ hiện trạng khu đất: đất sử dụng cho các bệnh viện, nhà an dưỡng, công trình văn hoá, thể thao.

2. Việc đo đạc đất quốc phòng, an ninh để lập bản đồ địa chính khu đất phục vụ cho việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mục đích quốc phòng, an ninh do các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân về khảo sát đo đạc của các Bộ ngành của Trung ương (kể cả của quân đội và công an) và địa phương thực hiện và phải được Sở Địa chính xác nhận.

3. Tỷ lệ bản đồ địa chính phục vụ cho việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quốc phòng, an ninh được quy định như sau:

- a. Diện tích khu đất dưới 1 ha: tỷ lệ 1/500.
- b. Diện tích khu đất từ 1 ha - 10 ha: tỷ lệ 1/1.000.
- c. Diện tích khu đất từ 10ha - 200 ha: tỷ lệ 1/2.000.
- d. Diện tích khu đất từ 200 ha - 500 ha: tỷ lệ 1/5.000.
- e. Diện tích khu đất trên 500 ha: tỷ lệ 1/10.000.

III. VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH

1. Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quốc phòng, an ninh gồm có:

Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng trên địa bàn Quân khu, đất an ninh trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Quyết định đóng quân hoặc địa điểm công trình của cấp có thẩm quyền.

Bản đồ xác định ranh giới đất thuộc quyền sử dụng đất của đơn vị đã được Ủy ban nhân cấp xã, cấp huyện sở tại xác nhận.

2. Thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quốc phòng, an ninh như sau:

a. Đơn vị sử dụng đất quốc phòng, an ninh sau khi lập xong hồ sơ quy định tại điểm 1 mục III Thông tư này thì gửi cho Sở Địa chính 2 bộ hồ sơ.

b. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ quy định, Sở Địa chính có trách nhiệm xem xét hồ sơ và trình Ủy ban nhân cấp tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đơn vị.

c. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ khi Sở Địa chính trình hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký quyết định.

3. Tên chủ sử dụng đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được viết như sau:

Viết tên đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Nội vụ trước, sau đó viết tên đơn vị trực tiếp sử dụng đất trong ngoặc đơn.

Ví dụ: Quân khu I hoặc Tổng Cục Hậu cần/Bộ Nội vụ

(Sư đoàn.....) (Kho.....)